

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2019/DS-PT

Ngày: 28 - 10 - 2019

V/v: “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu
hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và
các giao dịch dân sự về đất đai có liên
quan*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Văn Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/TBTL-TA ngày 26 tháng 8 năm 2019 về: “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giao dịch dân sự về đất đai có liên quan*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1365/2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ 20, phường Chánh Lộ, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn C: Anh Nguyễn Thư S - sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo Giấy ủy quyền ngày 17/3/2018 và 21/10/2019) có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật sư Trần Đức N, văn phòng luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Thị L, sinh năm 1950; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Tiến S1 - sinh năm 1974 (theo Giấy ủy quyền ngày 29/01/2018); có mặt; cùng địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có Luật sư Phạm Ngọc H, Công ty Luật TNHH MTV A thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn H, chức vụ: Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh thành phố Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: thành phố Q,T.Q;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (văn bản ủy quyền số 352/QĐ-UBND ngày 05/2/30218), vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Lê Thị A - sinh năm 1949

- Anh Nguyễn Thư S - sinh năm 1972

- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1976

- Anh Nguyễn Minh T - sinh năm 1982

- Chị Nguyễn Thị Minh K - sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A, chị H, anh T, chị K có anh Nguyễn Thư S; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Theo các Giấy ủy quyền lập ngày 17/3/2018), có mặt.

- Anh Nguyễn Tiến S1 - sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Ông Trần Quang K - sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1979; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Trương Đ - sinh năm 1950

- Bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1957
Cùng địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Võ Thị B - sinh năm 1975
- Anh Võ C - sinh năm 1977

Người đại diện theo ủy quyền của chị B, anh C có anh Nguyễn Tiến S1 - (Theo các Giấy ủy quyền ngày 24/5/2018), có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 16, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh Nguyễn Phương N - sinh năm 1985; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện hợp pháp*: Ông Nguyễn Trung T – Phó Trưởng phòng; vắng mặt.

- Văn phòng công chứng N; địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông N – Trưởng văn phòng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Văn phòng Công chứng T; địa chỉ: thành phố Q; có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thanh T – Trưởng văn phòng.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ: Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng V – Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chi nhánh Q và ông Trần Thanh L – Chuyên viên quan hệ khách hàng (Theo văn bản ủy quyền số 4396/UQ-MD-HS ngày 23/5/2019); có mặt.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: ông Võ Hoàng A, Phó giám đốc Chi nhánh Q; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Văn bản ủy quyền số 153/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 13/02/2019); có mặt.

4. *Người kháng cáo*: bà Phan Thị L, anh Nguyễn Thư S, bà Lê Thị A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K, ông Nguyễn C.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Cụ ông Nguyễn P (chết năm 1964) và cụ bà Lê Thị V (chết năm 1952) sinh được 04 người con là bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn D (chết năm 1974), ông Nguyễn B (chết năm 2005) và ông Nguyễn C; ông Nguyễn D có vợ là bà Phan Thị L và con là anh Nguyễn Tiến S1; ông Nguyễn B có vợ là bà Lê Thị A và các con là anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị Mỹ H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Mỹ K.

Tài sản cụ P, cụ V để lại gồm 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 5736, diện tích 04 sào tại ấp G, xã T, quận T, tỉnh Quảng Ngãi. Lúc cụ P, cụ V chết

thì không để lại di chúc và không phân chia tài sản trên cho ai. Năm 1965, Ban trị sự ấp G, xã T, quận T, tỉnh Quảng Ngãi tiến hành đổi thửa đất 5736 của cụ P, cụ V để lại bằng 05 sào đất công điền. Khi đổi đất, ông Nguyễn D với cương vị trưởng nam và được sự đồng ý của các chị, em, nên đại diện tiến hành trao đổi và lập “*giấy ưng thuận*” đổi đất vào ngày 09/3/1965 tại văn phòng ấp Tân Sinh G.

Sau khi đổi đất, anh chị em tiến hành xây dựng nhà trên diện tích đất mới được đổi và sinh sống cùng nhau tại đây. Năm 1969, ông Nguyễn D cưới vợ là bà Nguyễn Thị L; năm 1970 bà Nguyễn Thị N có chồng nên chuyển ra ở riêng; năm 1974 ông Nguyễn D chết; năm 1975 vì có mâu thuẫn nên ông Nguyễn B chuyển đi nơi khác sinh sống, năm 1977 ông Nguyễn C lấy vợ và ra ở riêng. Bà L tiếp tục quản lý, sử dụng 05 sào đất công điền đã đổi cùng căn nhà trên đất. Các chị em nguyên đơn vẫn thường xuyên về căn nhà này để lo nhang đèn và thờ cúng ông bà. Năm 1991, Bà L và anh S1 lên ở tại Đà Lạt. Vì căn nhà được xây dựng từ năm 1965 đến năm 1991 đã cũ và không có người sử dụng thường xuyên dẫn đến xuống cấp, nên vào năm 1992 bà N, ông B, ông C cùng tiến hành sửa chữa lại căn nhà này để làm nơi thờ phụng. Lúc chị em bà tiến hành sửa chữa căn nhà thì không có Bà L, Bà L cũng không đóng góp tài sản hay công sức vào việc sửa chữa. Sau đó khoảng một năm Bà L trở về và được chị em bà đồng ý cho Bà L tiếp tục sinh sống tại căn nhà đã được sửa chữa. Nguyên đơn không yêu cầu tính công sức tôn tạo, bảo quản di sản.

Năm 2003, bà N, ông C và ông Nguyễn B khiếu kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên cùng căn nhà gắn liền với đất nhưng bị Tòa án nhân dân thị xã Q chuyển trả hồ sơ ngày 29/01/2004 vì lý do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Ngày 12/3/2004, Bà L làm hồ sơ kê khai, đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) đối với diện tích đất chị em bà yêu cầu chia thừa kế và được UBND thị xã Q cấp GCNQSDĐ là thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2037m². Hiện nay, Bà L đã tách thửa và chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho người khác.

Bà N yêu cầu Tòa án hủy tất cả các GCNQSDĐ mà đất có nguồn gốc từ thửa 914 nêu trên tách ra; Yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn P và cụ Lê Thị V, nay là thửa 1291, thửa 1313, thửa 1455, thửa 1456 (Các thửa đất này được tách ra từ thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2037m²). Yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, bà N, ông C và vợ con của ông Nguyễn B mỗi kỹ phần bằng 500m² đất; chia cho bà Phan Thị L và các con của Bà L diện tích 799,5m² cùng căn nhà được xây dựng trên thửa 1455.

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2017, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 22/12/2017, ngày 09/3/2017, ngày 22/3/2017, ngày 10/12/2018 và quá trình tố tụng*

nguyên đơn là ông Nguyễn C và người đại diện theo ủy quyền của ông C là anh Nguyễn Thư S trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và tách thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2037m² thành các thửa đất số 1291, 1313, 1455, 1456 ông C thống nhất như phần trình bày của bà Nguyễn Thị N. Ông bổ sung thêm như sau: Sau khi nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N (Khi cấp GCNQSDĐ cho anh Nguyễn Văn T1 là thửa 1291) từ bà Phan Thị L, anh T1 đã chuyển nhượng tiếp cho anh Nguyễn Phương N; ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị D nhận chuyển nhượng từ Bà L một phần thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N (Sau này được cấp GCNQSDĐ là thửa 1313); sau khi nhận chuyển nhượng thửa 1456 từ Bà L, anh S1, chị Võ Thị B và anh Võ C, ông Trần Quang K đã thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam để vay tiền. Bà L tiếp tục tách thửa đất số 1455 thành thửa đất số 220, tờ bản đồ số 57, phường N, diện tích 130,5m² (*Sau đây viết tắt là thửa 220*) và thửa đất số 223, tờ bản đồ số 57, phường N, diện tích 1410,1m² (*Sau đây viết tắt là thửa 223*); Bà L và anh Nguyễn Tiến S1 lập hợp đồng tặng cho anh Võ C thửa 220; Bà L và anh C lập hợp đồng tặng cho anh S1 thửa 223, anh S1 đã thế chấp thửa đất này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q để vay tiền.

Ông Nguyễn C yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, số công chứng 2450 ngày 11/10/2017 đối với thửa 223 giữa bên tặng cho là bà Phan Thị L và anh Võ C với bên được tặng cho là anh Nguyễn Tiến S1; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, số công chứng 2451 ngày 11/10/2017 giữa bên tặng cho là bà Phan Thị L và anh Nguyễn Tiến S1 với bên được tặng cho là anh Võ C đối với thửa 220, cả 02 hợp đồng đều được công chứng tại Văn phòng công chứng N.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 66/CN ngày 26/7/2005 chuyển nhượng diện tích 299,4m² thuộc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L với bên nhận chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn T1, hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường N chứng thực ngày 26/7/2005 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất này giữa bên tặng cho là anh Nguyễn Văn T1 với bên được tặng cho là anh Nguyễn Phương N được công chứng tại Phòng công chứng số 1 ngày 03/8/2016, số công chứng 3974, quyển số 08TP/CC-SCCC/HĐGD.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 121/CN ngày 15/11/2005 chuyển nhượng diện tích 125m² thuộc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L với bên nhận chuyển nhượng là ông Trương Đ, hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường N chứng thực ngày 22/11/2005.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4276 ngày 30/10/2009 đối với thửa 1456 giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L, anh Nguyễn Tiến S1, chị Võ Thị B, anh Võ C với bên nhận là ông Trần Quang K.

Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 702198.17.651.3607387.BĐ ngày 24/11/2017 giữa bên thế chấp là anh Nguyễn Tiến S1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa 223 theo GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 313335, số vào sổ: CS08159 cấp ngày 21/9/2017.

Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 520/2014/01HĐTC/ giữa bên thế chấp là ông Trần Quang K với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 1456.

Phân chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn P và cụ Lê Thị V, nay là thửa 1291, thửa 1313, thửa 1456, thửa 220 và thửa 223. Yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, chia cho bà N, ông C và vợ, con của ông Nguyễn B mỗi kỳ phần bằng 500m² đất; chia cho bà Phan Thị L và các con của Bà L diện tích 799,5m² đất cùng căn nhà do anh S1 xây dựng trên đất.

- Tại văn bản đề ngày 05/02/2018 và quá trình tố tụng, bị đơn là bà Phan Thị L và người đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Tiến S1 trình bày:

Bị đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống của cụ Nguyễn P, cụ Lê Thị V.

Về nguồn gốc thửa đất công điền số 115 và nửa lô đất công điền số 123 có tổng diện tích khoảng 8 sào (khoảng 4.000 m²) nhận đổi từ Ban trị sự ấp G, sau khi nhận đất đổi với Ban trị sự ấp G thì đến năm 1972 các anh chị em của ông Nguyễn D gồm ông D, bà N, ông C, ông B cùng hợp và phân chia di sản của cụ P, cụ V để lại.

Ông B, bà N, ông C đều đã được phân chia lại các phần diện tích đất khác là di sản của cụ P, cụ V. Các diện tích đất này đều được ông C, ông B, bà N sử dụng canh tác. Việc phân chia này không Đ lập thành giấy tờ nhưng có những người trong tộc họ làm chứng.

Trước khi chia các diện tích đất trên thì ông B, ông C, bà N, ông D cùng sinh sống tại căn nhà trên thửa đất công điền số 115 nhận đổi từ Ban Trị sự ấp G. Từ sau khi nhận đổi đất và phân chia di sản của cụ P, cụ V thì Bà L, ông D trực tiếp quản lý, sử dụng đất và tài sản trên lô đất công điền số 115, Bà L là người trực tiếp quản lý diện tích này sau khi ông D chết. Ông C, ông B, bà N đã đưa các diện tích đất được phân chia vào hợp tác xã và được hợp tác xã cân đối lại để sản xuất. Hiện nay các thửa đất phân chia cho ông C, ông B, bà N đều đã bị Nhà nước thu hồi và bồi thường cho ông C, ông B, bà N. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn thì Bà L và anh S1 yêu cầu phải đưa các khoản tiền bồi thường mà ông

C, ông B, bà N đã nhận vào khối di sản thừa kế để phân chia cho những người thừa kế của cụ P, cụ V theo quy định pháp luật.

Từ năm 1973 đến nay thì Bà L và anh S1 tiến hành xây dựng và nhiều lần sửa chữa căn nhà trên diện tích thửa đất công điền số 115. Ông C, ông B, bà N không có đóng góp cũng như bỏ tiền để sửa chữa căn nhà này.

Hiện nay, trên diện tích lô đất công điền này có 01 căn nhà 02 tầng diện tích khoảng 176m² và các công trình kiến trúc khác để làm quán cà phê, tường rào, cổng ngõ do anh S1 xây dựng.

Hiện tại Bà L đã tách thửa và chuyển nhượng một phần thửa đất công điền số 115 cho anh Nguyễn Văn T1 thành thửa 1291; một phần cho ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị D thành thửa 1313; một phần cho ông Trần Quang K thành thửa 1456.

Phần đất còn lại Bà L đã tách thửa và lập hợp đồng tặng cho anh Võ C thành thửa 220; tặng cho anh Nguyễn Tiến S1 thành thửa 223. Hiện tại, 02 thửa đất này đã được cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Phan Thị L và chỉnh lý biến động cho anh C, anh S1. Anh S1 đã thế chấp thửa 223 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q chi nhánh Q để vay số tiền 900.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng lô đất công điền số 115 là di sản của cụ P, cụ V là không có căn cứ, vì ông C, ông B, bà N đã được phân chia các thửa đất khác là di sản của cụ P, cụ V, còn lô đất công điền số 115 đều đã đồng ý phân chia riêng cho ông D nên là tài sản của ông D. Bị đơn không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại biên bản làm việc ngày 05/02/2018 và các tài liệu có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị A, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Minh K - anh Nguyễn Thư S trình bày:

Về hàng thửa kế của cụ Nguyễn P, cụ Lê Thị V, quan hệ huyết thống, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và chuyển nhượng thửa 1291, thửa 1313, thửa 1456, thửa 220 và thửa 223 anh thống nhất như phần trình bày của nguyên đơn.

Sau khi tiến hành đổi đất với Ban trị sự ấp G thì ông Nguyễn D với cương vị trưởng nam có tiến hành mời các anh chị em họp lại và tiến hành chỉ định các diện tích đất còn lại của cụ P, cụ V cho bà N, ông C, ông B để có đất sản xuất. Cụ thể:

- Ông D là trưởng nam nên ông chỉ định ông Đ diện tích 05 sào đất công điền tại núi Hùm quận T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà N là chị nhưng là con gái nên được ông D chỉ định diện tích 1,5 sào đất công điền tại quận T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông B được ông D chỉ định diện tích 02 sào đất công điền tại quận T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông C được ông D chỉ định diện tích 02 sào tại xứ đồng nam Núi Rùa, quận T, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi được ông D chỉ định chia đất thì vợ chồng ông Nguyễn B sử dụng diện tích này để sản xuất, không xây dựng nhà ở hay công trình kiến trúc khác trên diện tích đất này. Đến năm 1979 vợ chồng ông B đã đưa đất vào hợp tác xã và được phân chia lại diện tích đất canh tác khác.

Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề ngày 22/01/2019 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Võ C, chị Võ Thị B và người đại diện theo ủy quyền của anh C, chị B là anh Nguyễn Tiến S1 trình bày:

Thống nhất theo lời trình bày của bị đơn. Các thửa 1291, 1313, 1456, 220 và 223 là tài sản riêng của ông Nguyễn D, khi ông D chết thì Bà L và anh S1 là người thừa kế hợp pháp. Thửa đất trên được ông D, Bà L, anh S1 sử dụng hợp pháp từ năm 1972 đến nay đã 47 năm và đã nhiều lần xây dựng, sửa chữa nhà tại thửa đất trên vào năm 1973, 1989 và 2004.

Việc UBND thành phố Q cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Phan Thị L và việc Bà L chuyển nhượng, tặng cho các thửa đất trên là hoàn toàn đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn.

- Tại biên bản làm việc ngày 06/3/2018, các tài liệu có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh đã nhận chuyển nhượng diện tích 299,4 m² đất của bà Phan Thị L tại thửa đất số 914, nay là thửa 1291. Hiện nay anh đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác anh không rõ thông tin.

- Tại Biên bản trình bày ý kiến đề ngày 08/4/2019, các tài liệu có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Phương N trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa 1291 giữa bên tặng cho là anh Nguyễn Văn T1 với bên được tặng cho là anh Nguyễn Phương N được Phòng công chứng số 1 chứng thực ngày 03/8/2016, số công chứng 3974, quyển số 08TP/CC-SCCC/HĐGD thì anh không đồng ý, vì hợp đồng tặng cho trên được anh và anh T1 thực hiện theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án tuyên hợp đồng trên vô hiệu thì anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, anh sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh và anh T1 có ghi số thửa đất là thửa 1921 là do nhầm lẫn về chính tả, thửa đất anh nhận tặng cho từ anh T1 là thửa 1291.

- Tại biên bản làm việc ngày 15/3/2018, các tài liệu có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Quang K trình bày:

Ngày 30/01/2009, hộ bà Phan Thị L lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1456 cho ông. Hợp đồng chuyển nhượng được Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi công chứng vào ngày 30/10/2009. Sau đó ông đã làm các thủ tục đăng ký GCNQSDĐ và ngày 27/11/2009 được Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố Q ký chỉnh lý biến động trang IV tại GCNQSDĐ cho ông. Hiện ông chưa xây dựng hay tiến hành khai thác, sản xuất trên diện tích đất này, ông đã thế chấp quyền sử dụng đất thửa 1456 tại Ngân hàng Viettinbank chi nhánh Q. Khi nhận chuyển nhượng thửa 1456 thì ông không nhận được thông tin nào về việc thửa đất trên có tranh chấp. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1456 giữa ông với hộ Bà L thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Nguyên đơn khởi kiện không đúng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

- Tại bản ý kiến đề ngày 14/5/2018 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Đ, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Ngày 15/11/2005 ông Đ cùng Bà L tiến hành lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 125m² thuộc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N. Sau khi tiến hành các thủ tục đầy đủ thì UBND thành phố Q đã cấp GCNQSDĐ mới mang tên vợ chồng ông Đ với thửa đất mới là 1313. Ông Đ khẳng định việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1313 giữa ông và Bà L là tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Ông không đồng ý với nội dung khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Nguyễn C.

- Tại bản trình bày đề ngày 26/2/2018, ngày 16/01/2019, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi là ông Lê Văn H trình bày:

Việc Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố Q thực hiện thủ tục về đất đai cho hộ bà Phan Thị L và thủ tục từ hộ bà Phan Thị L sang cho ông Nguyễn Tiến S1 là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T, bà Lê Thị Thanh T trình bày:

Ngày 24/11/2017, Văn phòng công chứng T có ký chứng nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 702198.17.651.3607387.BĐ ngày 24/11/2017, số công chứng 6302, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD giữa bên thế chấp là anh Nguyễn Tiến S1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (MB) – Chi nhánh Q,

tài sản thế chấp là thửa 223. Tại thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp đối với tài sản nêu trên, văn phòng đã xem xét hồ sơ là hoàn toàn hợp pháp, tài sản không bị kê biên, bảo thủ hay ngăn chặn, các bên tham gia giao dịch có đủ năng lực hành vi dân sự, năng lực pháp luật dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật, việc giao kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- *Tại văn bản trình bày ngày 31/5/2018 người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng N trình bày:* Ngày 11/10/2017, Văn phòng công chứng N có nhận công chứng 02 hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 2450 và số 2451. Văn phòng công chứng đã thực hiện thủ tục công chứng theo quy định pháp luật.

- *Tại văn bản số 59/PCCS1 ngày 21/5/2019, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi, ông Nguyễn Trung T trình bày:*

Ngày 03/8/2016 phòng công chứng có nhận được yêu cầu thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 1291. Tuy nhiên trong quá trình đánh máy đã có sự nhầm lẫn từ thửa 1291 thành thửa 1921. Vì vậy, số thửa đúng tại hợp đồng số 3973 do Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi công chứng ngày 03/8/2016 là thửa 1291, tờ bản đồ số 4, phường N, theo GCNQSDĐ số AD 641883 số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ H 00325 do UBND thành phố Q cấp ngày 07/11/2005.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 133, khoản 1 Điều 502, Điều 503, điểm c khoản 2 Điều 618, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 244 và điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Bà N có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, bà Lê Thị A, anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K, công nhận hiệu lực của các hợp đồng sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 66/CN ngày 26/7/2005 chuyển nhượng diện tích 299,4m² thuộc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L với bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn T1, được UBND phường N chứng thực ngày 26/7/2005.

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 121/CN ngày 15/11/2005 chuyển nhượng diện tích 125m² thuộc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L với bên nhận chuyển nhượng là ông Trương Đ, Hợp đồng chuyển nhượng được UBND phường N chứng thực ngày 22/11/2005;

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 1291, tờ bản đồ số 4 phường N giữa bên tặng cho là anh Nguyễn Văn T1 với bên được tặng cho là anh Nguyễn Phương N được công chứng tại Phòng công chứng số 1 ngày 03/8/2016, số công chứng 3974, quyền số 08TP/CC-SCCC/HĐGD.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, bà Lê Thị A, anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K về việc hủy bỏ các hợp đồng sau:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 4276, quyền số 5TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/10/2009 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi đối với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4 phường N giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L, ông Nguyễn Tiến S1, bà Võ Thị B, anh Võ C với bên nhận chuyển nhượng là ông Trần Quang K.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 2450, quyền số 06.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/10/2017 đối với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 57 phường N giữa bên tặng cho là bà Phan Thị L, anh Võ C với bên được tặng cho là anh Nguyễn Tiến S1;

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 2451, quyền số 06.TP/CC-SCC-HĐGD ngày 11/10/2017 đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 57 phường N giữa bên tặng cho là bà Phan Thị L, anh Nguyễn Tiến S1 với bên được tặng cho là anh Võ C.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 520/2014/01HĐTC giữa bên thế chấp là ông Trần Quang K với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam; tài sản thế chấp là thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4 phường N được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi ngày 05/8/2014 số công chứng 3486, quyền số 08TP/CC-SCC/HĐGD.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 702198.17.651.3607387.BĐ ngày 24/11/2017 giữa bên thế chấp là anh Nguyễn Tiến S1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q, được công chứng tại Văn phòng công chứng T ngày 24/11/2017 số công chứng 6302, quyền số 06/TP/CC-SCC/HĐGD; tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 223, tờ bản đồ số 57 phường N.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn C, bà Lê Thị A, anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K về việc chia di sản của cụ Nguyễn P, cụ Lê Thị V.

4.1. Xác định di sản của cụ Nguyễn P, cụ Lê Thị V là giá trị quyền sử dụng các thửa đất số 1291, 1313, 1456 cùng tờ bản đồ số 4 phường N và các thửa đất số 220, 223, cùng tờ bản đồ số 57 phường N, tổng cộng giá trị 15.275.092.300 đồng.

4.2. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ P, cụ V gồm: Bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn C; bà Phan Thị L, anh Nguyễn Tiến S1 (là vợ và con của ông Nguyễn D đã chết năm 1974); bà Lê Thị A, anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K (Là vợ và các con của ông Nguyễn B đã chết năm 2005).

4.3. Chia cho ông Nguyễn C 01 kỷ phần thừa kế có giá trị 3.055.018.460 đồng; chia cho bà Lê Thị A, anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K 01 kỷ phần thừa kế có giá trị 3.055.018.460 đồng. Bà Phan Thị L là người quản lý di sản có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn C 3.055.018.460 đồng; thanh toán cho bà Lê Thị A, anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K 3.055.018.460 đồng.

4.4. Bà Phan Thị L tiếp tục quản lý phần công sức bảo quản di sản của cụ Nguyễn P, cụ Lê Thị V là 3.055.018.460 đồng; 01 kỷ phần thừa kế bà Phan Thị L và anh Nguyễn Tiến S1 chưa yêu cầu chia trị giá 3.055.018.460 đồng; 01 kỷ phần thừa kế bà Nguyễn Thị N chưa yêu cầu chia trị giá 3.055.018.460 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/7/2019 anh Nguyễn Thư S, bà Lê Thị A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K và ông Nguyễn C kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4 phường N giữa bên chuyển nhượng là bà Phan Thị L, ông Nguyễn Tiến S1, bà Võ Thị B, anh Võ C với bên nhận chuyển nhượng là ông Trần Quang K; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa bên thế chấp là ông Trần Quang K với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 1456, tờ bản đồ số 4 phường N.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/10/2017 đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 57 phường N giữa bên tặng cho là bà Phan Thị L, anh Nguyễn Tiến S1 với bên được tặng cho là anh Võ C.

- Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/10/2017 đối với thửa đất số 223, tờ bản đồ số 57 phường N giữa bên tặng cho là bà Phan Thị L, anh Võ C với bên được tặng cho là anh Nguyễn Tiến S1; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

ngày 24/11/2017 giữa bên thế chấp là anh Nguyễn Tiến S1 với bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Q, tài sản thế chấp là thửa đất số 223, tờ bản đồ số 57 phường N.

- Chia di sản thừa kế cho bà A, anh Sinh, anh T, chị H, chị K bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Ngày 09/7/2019 bà Phan Thị L kháng cáo đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 11/7/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 881/2019/KNPT-DS, kháng nghị một phần bản án với lý do thửa đất 914 không còn là di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện phân chia theo pháp luật đối với di sản của cụ Nguyễn P và cụ Lê Thị V thửa đất 914, nay là các thửa 1291, thửa 1313, thửa 1456, thửa 220 và thửa 223. Yêu cầu được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, chia cho bà N, ông C và vợ, con của ông Nguyễn B mỗi kỳ phần bằng 500m² đất; chia cho bà Phan Thị L và các con của Bà L diện tích 799,5m² đất phần có căn nhà do anh S1 xây dựng trên đất. Đồng thời yêu cầu hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với các phần đất nằm trong diện tích đất là di sản thừa kế. Bản án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng và đầy đủ; tuy nhiên sự liệt kê toàn bộ cụ thể các đối tượng tranh chấp trong một vụ án là quá dài và không làm rõ được bản chất của vụ án là tranh chấp di sản thừa kế, cần điều chỉnh lại như sau: “*Tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giao dịch dân sự về đất đai có liên quan*”.

[2] Xác định di sản thừa kế: Cụ Nguyễn P và cụ Lê Thị V có 04 người con ruột là bà Nguyễn Thị N; ông Nguyễn C; ông Nguyễn D (chết năm 1974) có vợ là bà

Phan Thị L và con đẻ là anh Nguyễn Tiến S1; ông Nguyễn B (chết năm 2005) có vợ là bà Lê Thị A và các con đẻ là anh Nguyễn Thư S, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K.

Những người thừa kế của cụ P, cụ V thống nhất về tình tiết, sự kiện: Cụ P, cụ V chết để lại tài sản là nhà gắn liền với thửa đất số hiệu 5736, diện tích 04 sào tại ấp G, xã T, quận T, tỉnh Quảng Ngãi, cụ P và cụ V không lập di chúc; năm 1965, Ban trị sự ấp G, xã T, quận T, tỉnh Quảng Ngãi đổi thửa đất số hiệu 5736 bằng 01 lô đất công điền số 115 và nửa lô đất công điền số 123, khi đổi đất có lập Giấy thuận ưng đổi đất ngày 09/3/1965 (Bút lục số 36); lô đất công điền số 115 chính là thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4, phường N, thị xã Q, tỉnh Quảng Ngãi, diện tích 2037m² đã được UBND thị xã Q cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Phan Thị L vào ngày 12/03/2004.

Sau khi đổi đất, những người con của cụ P, cụ V cùng xây dựng nhà và sinh sống cùng nhau trên lô đất công điền số 115. Năm 1977 ông Nguyễn C là người cuối cùng ra ở riêng thì Bà L là người tiếp tục quản lý sử dụng và thờ cúng cụ P, cụ V. Bị đơn trình bày thửa đất 914 đã được các anh chị em trong gia đình phân chia cho ông Nguyễn D vào năm 1972 và những người khác cũng đã được phân chia đất ở nơi khác, nhưng bị đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Như vậy, thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4 phường N, hiện nay là các thửa 1291, 1456, 1313, 220, 223 vẫn là di sản của cụ P, cụ V để lại, ông C và anh Sinh là người đại diện cho những người thừa kế của ông Nguyễn B yêu cầu được hưởng di sản thừa kế của cụ P, cụ V theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Bản án sơ thẩm xác định thửa đất 914 tờ bản đồ số 4 tại phường N là di sản của cụ P, cụ V là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn C và anh Nguyễn Thư S, bà Lê Thị A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K thấy: bà Phan Thị L đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên các hợp đồng tặng cho, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đều đúng quy định của pháp luật. Đến nay các Hợp đồng đã hoàn thành, những người được nhận quyền sử dụng đất thông qua các hợp đồng đều đã được chỉnh lý đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2013 và khoản 3 Điều 133 của Bộ luật Dân sự 2015 thì những người được nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp này là người thứ 3 ngay tình, không Đ đòi lại đất và không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên người sử dụng mới, nên không thể phân chia di sản bằng hiện vật. Bản

án sơ thẩm đã nhận định và tuyên xử có căn cứ nên không chấp nhận các kháng cáo nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của bà Phan Thị L thì thấy: Nguồn gốc thửa đất số 914, tờ bản đồ số 4 phường N, hiện nay là các thửa 1291, 1456, 1313, 220, 223 được xác định là di sản của cụ P, cụ V như nhận định ở trên, giá trị di sản đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân chia kỷ phần theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không cung cấp được thêm chứng cứ, tài liệu gì mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án, nên không chấp nhận kháng cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát thì thấy: thửa đất cũ thửa đất số hiệu 5736 khi được chính quyền cũ đổi sang thửa 115 (sau là thửa 914) đã có tài sản là nhà của cụ P, cụ V; sau khi đổi thì thửa đất mới được đổi là thửa 115 và sau này là thửa đất 914 được giữ nguyên từ năm 1965 đến năm 2004 không có biến động thay đổi; không có tài liệu chứng cứ xác định những người đồng thừa kế đã phân chia di sản xong, cho nên thửa đất 914 vẫn là di sản của các cụ P, cụ V. Kháng nghị cho rằng thửa đất 914 không còn là di sản thừa kế là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Các quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ; tuy nhiên đối với trường hợp quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N và dành quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật cho bà N là chưa rõ; trong trường hợp này bà N với tư cách là nguyên đơn và mặc dù bị đình chỉ yêu cầu khởi kiện, nhưng bà N vẫn là đương sự đã được tham gia tố tụng trong vụ án và được bản án sơ thẩm quyết định phân chia di sản thừa kế đúng kỷ phần được hưởng, như vậy bà N vẫn được bảo đảm quyền lợi của một đồng thừa kế và vụ án đã được giải quyết xong. Trường hợp này cần giải thích cụ thể là bà N có quyền khởi kiện nếu có tranh chấp về kỷ phần thừa kế của bà N mà bản án sơ thẩm quyết định giao cho bà Phan Thị L quản lý.

[6] Do kháng cáo không Đ chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên do ông Sinh, chị Ánh, chị H, anh T và chị K đều ở chung trong một kỷ phần thừa kế, không có yêu cầu phân chia cụ thể và việc kháng cáo thực hiện chung nên chỉ tính chung một mức án phí, cấp sơ thẩm cũng đã xác định sự việc và chỉ cho tạm ứng án phí phúc thẩm chung là hợp lý. Ông C và Bà L thuộc trường hợp người cao tuổi, có đơn xin nên xét miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn C, ông Nguyễn Thư S, Lê Thị

A, Nguyễn Thị H về yêu cầu chia di sản thừa kế là thửa đất 914 bằng hiện vật và hủy các Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất có liên quan đến thửa đất 914.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L về yêu cầu bác Đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 881/2019/KNPT-DS ngày 11-7-2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Thư S, chị Lê Thị A, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Minh K cùng phải chịu chung án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002657 ngày 18/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi; những người chịu án phí nêu tên trên đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị L được miễn án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long